TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/LĐ-ST
Ngày: 23-11-2019
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nghĩa Dõng.

2. Ông Hoàng Minh Tân – Nguyên Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Quảng Ngãi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-LĐ ngày 03-01-2019 về việc: "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXXST-LĐ ngày 21-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2019/QĐST-LĐ ngày 06-11-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 12, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, bà T vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 16, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bà T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty P; địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Q, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật. Ông Bình vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 8 Cao Bá Quát, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tiêu S – Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo pháp luật; ông Lê Thành V – chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23/10/2019. Ông Vĩnh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-12-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09-8-2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T bắt đầu làm việc tại Công ty cổ phần bao bì V nay là Công ty P từ tháng 4 năm 2000, đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 bà T và Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn: Thủ quỹ. Từ tháng 12/2013 đến tháng 7/2014, Công ty P mà người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh Bình, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà T, mặc dù hàng tháng Công ty cổ phần tổng hợp Viêt Phú vẫn trừ 10,5% tiền lương của bà T. Ngày 22-7-2014, bà T có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty P. Ngày 06-8-2014, Công ty P ra Quyết định số 805/QĐ – HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị T.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ngày 14-12-2018, nguyên đơn trình bày kể từ khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty P vẫn chưa đóng các loại bảo hiểm tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi cho nguyên đơn từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014, tổng cộng số tiền: 7.029.279đồng, trong đó: Bảo hiểm xã hội 6.731.938 đồng; bảo hiểm y tế 138.611 đồng; bảo hiểm thất nghiệp 145.097 đồng; bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp 13.633 đồng. Yêu cầu Công ty P phải đóng bảo hiểm các khoản trên cho bà T tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi để Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho bà T giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 09-8-2019, nguyên đơn có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty P phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm (lãi tính đến ngày 30/6/2018): Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm lao động – bệnh nghề nghiệp cho ông số tiền là 2.606.039 đồng.

Tại bản trình bày ngày 30-10-2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty P đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 người lao động, số tiền còn lại đã được trích trừ vào tiền gốc bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của pháp luật) mà Công ty P có nghĩa vụ phải đóng cho bà T. Như vậy, Công ty P chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp (trước đây hai khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 hai khoản này mới tách ra). Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc Công ty P phải trả hai khoản nợ bảo hiểm chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chỉ yêu cầu Công ty P phải đóng các khoản bảo hiểm cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 31-10-2019 tổng cộng là 11.293.945đồng trong đó: Nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 6.745.571 đồng, nợ lãi từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 145.217 đồng, nợ lãi từ tháng 8-2014 đến tháng 10-2019 là 4.403.157 đồng và yêu cầu Công ty P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ tháng 11-2019 cho đến khi đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn để Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho bị đơn Công ty P nhưng bị đơn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 06-11-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Thành V trình bày:

Có sự thay đổi trong lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về số tiền chưa đóng nợ gốc các khoản bảo hiểm và lãi của Công ty P đối với bà Nguyễn Thị T là vì: Bên Công ty cổ phần tổng hợp Việt Phú đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ trả vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty P chưa đóng cho bà T nên về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến 30-6-2018 để làm cơ sở cho nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi xác định số nợ gốc của các lao động mà Công ty P còn nợ chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (trước đây 02 khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 hai khoản bảo hiểm này mới được tách ra) và Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội, việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị T có mã sổ Bảo hiểm xã hội 3501001663, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi xác định Công ty P chưa đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền tạm tính đến ngày 31-10-2019 là 11.293.945đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 6.745.571 đồng, nợ lãi từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 145.217 đồng, lãi từ tháng 8-2014 đến tháng

10-2019 là 4.403.157đồng. Do đó, để cơ quan Bảo hiểm xã hội có cơ sở xác nhận (chốt) thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong sổ bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà T theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty P phải có trách nhiệm đóng tổng số tiền bảo hiểm xã hội (tính đến ngày 31-10-2019) là 11.293.945đồng và số tiền lãi phát sinh từ tháng 11-2019 cho đến khi Công ty P đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nhận chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị T khởi kiện thì Công ty P có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Quảng Phú, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng theo quy định của pháp luật cho bà T tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp" theo điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại văn bản trình bày ngày 30-10-2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm y tế và khoản bảo hiểm thất nghiệp vì bị đơn đã đóng xong tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi, chỉ yêu cầu bên bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm chậm đóng còn lại là bảo hiểm xã

hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (hai khoản bảo hiểm này trước đây gọi chung là bảo hiểm xã hội đến tháng 7/2016, hai khoản bảo hiểm này mới được tách riêng) và yêu cầu tính lãi chậm đóng nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp bảo hiểm xã hội."

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P là ông Lê Thanh Bình đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T bắt đầu làm việc tại Công ty P từ tháng 4-2000, đến ngày 30-6-2012 bà T và Công ty P ký hợp đồng lao động số 6230/VP-HĐLĐ, loại hợp đồng không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn: Thủ quỹ, các bên có trách nhiệm trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 4, 91, 92, 94 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xác định hợp đồng lao động số 6130/VP ngày 30-6-2012 giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty P có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà T đã thực hiện công việc tại Công ty P theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 22-7-2014, bà T xin nghỉ việc, Công ty P ban hành Quyết định số: 805/QĐ-HĐQT ngày 06-8-2014 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T kể từ ngày 06-8-2014 với lý do bà T tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty P. Tuy nhiên, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty P vẫn không thanh toán đầy đủ, đúng quy định các khoản bảo hiểm bắt buộc cho bà T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh Thủy rút phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ bảo hiểm chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút theo quy định Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét, số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 6.745.571 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào văn bản trình bày của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi cung cấp, xét thấy thực hiện Hợp đồng lao động ngày 30-6-2012, Công ty P đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho bà T tại cơ quan Bảo

hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi và hàng tháng đều trừ 10,5% theo lương của bà T nhưng Công ty P không đóng đầy đủ đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho bà T là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 4 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại các khoản 1, 4 Điều 14, Điều 134 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Việc bà T khởi kiện Công ty P là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty P phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như trên cho bà T tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tiền nợ gốc bảo hiểm xã hội là 6.745.157đồng.

[3.3] Xét, yêu cầu của bên nguyên đơn yêu cầu Công ty P đóng số tiền lãi chậm đóng trên số nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 7/2014 là 145.217đồng, lãi từ tháng 8/2014 đến tháng 10/2019 là 4.403.157 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty P đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà T. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do Công ty P chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho bà T nên Công ty P phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến tháng 31/10/2019 và tiếp tục tính đến lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh kể từ tháng 11/2019 theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Công ty P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí của bà Nguyễn Thị T ngày 03-01-2019, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị T là người lao động khởi kiện đòi khoản tiền bảo hiểm xã hội đối với người sử dụng lao động là Công ty P nên căn cứ vào Điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T miễn nộp án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 37,47, khoản 1 Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 4, 5, 14, 15, 18, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm năm 2014, Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và Công văn

số: 1379/BHXH – BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc Công ty P đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với Công ty P. Buộc Công ty P phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 6.745.571 đồng và chịu lãi chậm đóng bảo hiểm được tính đến tháng 10/2019 số tiền 4.548.374 đồng, tổng cộng 11.293.945 đồng (mười một triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ tháng 11/2019, Công ty P còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng phát sinh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Công ty P phải nộp 338.818 đồng (ba trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười tám đồng) án phí lao động sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Bà T đã được Tòa án miễn tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan